



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 47

Ngày 01 tháng 7 năm 2018

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |            |  |    |
|------------|--|----|
| 25-5-2018- | Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hồ Chí Minh.      | 3  |
| 29-5-2018- | Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 40 |
| 30-5-2018- | Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh.                                      | 53 |

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

- 22-5-2018- Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 9. 69

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

- 22-5-2018- Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh. 78

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

- 16-5-2018- Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Củ Chi. 87

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 18-5-2018- Quyết định số 2129/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 96
- 24-5-2018- Quyết định số 2180/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính. 102

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2018/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2018*

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án  
sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.*

*Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 820/TTr-SKHĐT ngày 31 tháng 01 năm 2018 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2368/STP-VB ngày 14 tháng 3 năm 2018.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 6 năm 2018.

Bãi bỏ Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định khác của Ủy ban nhân dân thành phố trái với Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty Nhà nước trực thuộc Thành phố quản lý và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về quản lý thực hiện các chương trình, dự án  
sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định việc quản lý thực hiện các chương trình, dự án sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công của Thành phố; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý dự án đầu tư công của Thành phố.

2. Các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), dự án thuộc chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố và các dự án sử dụng toàn bộ vốn sự nghiệp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố, bao gồm: Các đơn vị, doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Thành phố được giao làm chủ chương trình, chủ dự án; các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện chức năng cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

#### **Điều 3. Vốn đầu tư công của Thành phố**

Vốn đầu tư công của Thành phố thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này bao gồm:

1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu, nguồn vốn trái phiếu

Chính phủ.

2. Nguồn vốn ngân sách Thành phố: Vốn cân đối Ngân sách thành phố, vốn trái phiếu chính quyền địa phương thành phố Hồ Chí Minh, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối Ngân sách thành phố và các khoản vốn vay khác của Ngân sách thành phố, nguồn vốn Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý.

3. Nguồn vốn ngân sách quận - huyện, phường - xã.

#### **Điều 4. Chủ chương trình, chủ đầu tư**

1. Chủ chương trình là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì quản lý chương trình đầu tư công.

2. Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức được giao quản lý dự án đầu tư công.

3. Việc xác định chủ chương trình, chủ đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của chủ chương trình, chủ đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ và theo các văn bản pháp luật có liên quan.

#### **Điều 5. Phân loại chương trình đầu tư công**

1. Chương trình mục tiêu sử dụng vốn Ngân sách trung ương: là chương trình sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách trung ương để đầu tư trên địa bàn Thành phố theo mục tiêu, nhiệm vụ của riêng Bộ, ngành trung ương; cả Bộ, ngành trung ương và Thành phố hoặc riêng Thành phố.

2. Chương trình sử dụng vốn Ngân sách thành phố: là chương trình đầu tư sử dụng toàn bộ vốn Ngân sách thành phố, quận - huyện để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trên địa bàn Thành phố.

#### **Điều 6. Phân loại dự án đầu tư công**

1. Căn cứ vào tính chất, dự án đầu tư công được phân loại như sau:

a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư: xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án.

b) Dự án không có cấu phần xây dựng là dự án mua tài sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc và dự án khác không quy định tại điểm a khoản này.

c) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Căn cứ vào mức độ quan trọng và quy mô, dự án đầu tư công được phân loại như sau:

a) Dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B và dự án nhóm C được xác định theo tiêu chí quy định tại các Điều 7, 8, 9 và 10 của Luật Đầu tư công và Phụ lục số I kèm theo Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

b) Dự án có nhiều hạng mục đầu tư thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, việc phân loại dự án căn cứ vào cấu phần đầu tư của ngành, lĩnh vực chiếm tỷ lệ vốn lớn nhất.

## **Chương II**

### **LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG**

**Điều 7. Chi phí lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư**

1. Đối với chương trình đầu tư công: Chi phí lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Đối với dự án đầu tư công: Chi phí lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được thanh toán từ vốn chuẩn bị đầu tư do Ủy ban nhân dân thành phố bố trí.

**Điều 8. Thẩm quyền, điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công**

1. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư công. Đối với dự án nhóm A sử dụng Ngân sách thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư, trừ dự án quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 8 Luật Đầu tư công.



2. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C (trừ dự án trọng điểm nhóm C) sử dụng nguồn vốn Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý.

3. Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công theo quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư công.

4. Dự án thành phần thuộc chương trình đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư không phải thực hiện thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư.

### **Điều 9. Thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Hội đồng thẩm định do một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố làm Chủ tịch Hội đồng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên gồm lãnh đạo các Sở - ngành có liên quan để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư công nhóm A. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cơ cấu thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Hội đồng thẩm định thành phố.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án đầu tư công do Thành phố quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C, trừ các dự án tại khoản 3 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn Ngân sách quận - huyện và vốn Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý. Cơ cấu thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

### **Điều 10. Thẩm định nội bộ chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư**

**công**

1. Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A (trừ dự án do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư), dự án nhóm B, nhóm C sử dụng sử dụng vốn Ngân sách Trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do Thành phố quản lý: Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi không phải thực hiện thẩm định nội bộ trước khi trình thẩm định chủ trương đầu tư. Việc thẩm định nội bộ chủ trương đầu tư do Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện.

2. Đối với dự án nhóm A do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư, chương trình, dự án nhóm B, dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách Thành phố: Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có trách nhiệm giao đơn vị trực thuộc hoặc thành lập Hội đồng để thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trước khi trình thẩm định chủ trương đầu tư.

**Điều 11. Trình tự lập, thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công**

1. Chương trình mục tiêu thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chính phủ:

a) Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Hội đồng thẩm định thành phố tổ chức thẩm định.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ.

c) Sau khi có ý kiến thẩm định của Hội đồng liên ngành do Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố giao cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định và gửi hồ sơ về Ủy ban nhân dân thành phố để trình Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

2. Chương trình sử dụng vốn Ngân sách thành phố:

a) Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo

Hội đồng thẩm định thành phố tổ chức thẩm định.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư.

3. Chương trình sử dụng vốn ngân sách quận - huyện: Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

## **Điều 12. Trình tự lập, thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công**

### 1. Dự án quan trọng quốc gia:

a) Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Hội đồng thẩm định thành phố tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ tổ chức thẩm định, trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

2. Dự án nhóm A (trừ dự án do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư):

a) Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn và báo cáo Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

c) Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành do Thủ tướng Chính

phủ thành lập hoặc cơ quan được Thủ tướng Chính phủ giao trách nhiệm chủ trì thẩm định.

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

3. Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn Ngân sách Trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do Thành phố quản lý:

a) Đối với dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C:

- Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước khi gửi hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố về hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư.

b) Đối với dự án nhóm C:

- Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chỉ đạo của Ủy ban

nhân dân thành phố về hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư.

4. Dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân thành phố, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn Ngân sách thành phố:

a) Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có trách nhiệm: Giao đơn vị trực thuộc lập hồ sơ thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; giao đơn vị trực thuộc có chức năng hoặc thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; hoàn chỉnh Báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định.

Dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý phải trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổng hợp hồ sơ dự án (bao gồm dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có văn bản thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm A, dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm C.

5. Dự án sử dụng nguồn vốn Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý:

a) Đối với dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C:

- Ủy ban nhân dân quận - huyện được Ủy ban nhân dân thành phố giao vốn phân cấp có trách nhiệm: Giao đơn vị trực thuộc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, tổ chức thẩm định nội bộ và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước khi gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư.

b) Đối với dự án nhóm C:

- Ủy ban nhân dân quận - huyện lập danh mục dự án nhóm C trên cơ sở chấp thuận phân bổ vốn phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến thẩm định.

- Sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Kế hoạch và Đầu tư về danh mục dự án, Ủy ban nhân dân quận - huyện giao cơ quan, đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, tổ chức thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án.

6. Dự án sử dụng nguồn vốn Ngân sách quận - huyện:

a) Đối với dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C: Ủy ban nhân dân quận - huyện giao đơn vị trực thuộc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, tổ chức thẩm định và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư.

b) Đối với dự án nhóm C: Ủy ban nhân dân quận - huyện giao đơn vị trực thuộc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, tổ chức thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư.

7. Việc thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng nguồn vốn Ngân sách phường - xã - thị trấn do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật và tình hình thực tiễn tại địa phương.

### **Điều 13. Hồ sơ thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án đầu tư công**

1. Hồ sơ thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án đầu tư công bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công;

c) Báo cáo thẩm định nội bộ của cơ quan, đơn vị lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

d) Ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã đối với dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý;

đ) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Số lượng hồ sơ gửi cơ quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn là 05 bộ tài liệu. Cơ quan chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn có thể

yêu cầu chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án bổ sung số lượng hồ sơ thẩm định nếu thấy cần thiết.

**Điều 14. Hồ sơ thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công**

1. Hồ sơ thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án;

b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công;

c) Báo cáo thẩm định nội bộ của cơ quan, đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố;

d) Báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã đối với dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý;

e) Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A (trừ dự án nhóm A do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư);

g) Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn Ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do Thành phố quản lý;

h) Lệnh khẩn cấp của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với dự án khẩn cấp);

i) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Số lượng hồ sơ gửi Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định sau:

a) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình: 20 bộ tài liệu;

b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A: 15 bộ tài liệu;

c) Báo cáo đề xuất chủ trương dự án nhóm B, nhóm C: 05 bộ tài liệu.

Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định có thể yêu cầu chủ chương

trình, cơ quan quản lý dự án bổ sung số lượng hồ sơ thẩm định nếu thấy cần thiết.

**Điều 15. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công**

1. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

b) Các hồ sơ quy định tại Điều 14 Quy định này, trong đó Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đã hoàn chỉnh theo ý kiến của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan thẩm định.

c) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan thẩm định.

d) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Số lượng hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư là 05 bộ tài liệu. cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư có thể yêu cầu chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án bổ sung số lượng hồ sơ thẩm định nếu thấy cần thiết.

**Điều 16. Thời gian thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án đầu tư công**

Thời gian thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn được tính kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:

1. Chương trình: Không quá 40 ngày.
2. Dự án nhóm A: không quá 30 ngày.
3. Dự án nhóm B, C: không quá 15 ngày.

**Điều 17. Thời gian thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công**

Thời gian thẩm định chủ trương đầu tư được tính kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:

1. Chương trình: không quá 45 ngày.
2. Dự án nhóm A: không quá 45 ngày.
3. Dự án nhóm B: không quá 30 ngày.



4. Dự án nhóm C: không quá 20 ngày.

### **Chương III**

## **LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VÀ HÀNG NĂM**

### **Điều 18. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm**

Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định tại Điều 50 Luật Đầu tư công; đồng thời phải căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách Thành phố, nhu cầu và dự báo khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

### **Điều 19. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm**

Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm phải đảm bảo các nguyên tắc tại Điều 51 Luật Đầu tư công và các nguyên tắc sau:

1. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và các quy hoạch đã được phê duyệt.
2. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn Ngân sách thành phố và khả năng thu hút, huy động các nguồn vốn đầu tư. Kế hoạch đầu tư công hàng năm phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt.
3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện chương trình, dự án thuộc các Chương trình đột phá đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố.

### **Điều 20. Điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm**

1. Chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.
2. Điều kiện bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm đối với dự án khởi công mới: Ngoài quy định tại khoản 1 điều này, tính đến ngày 31 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch phải được cấp thẩm quyền quyết định đầu tư.

### **Điều 21. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn**

1. Trước ngày 15 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, trên cơ sở mục tiêu, định hướng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Chỉ

thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, bao gồm mục tiêu, định hướng đầu tư và giao nhiệm vụ triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn.

2. Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các chủ đầu tư tiến hành xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn.

### **Điều 22. Lập kế hoạch đầu tư công hàng năm**

Trước ngày 30 tháng 6 năm trước năm kế hoạch, căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố năm sau, kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thành phố đã được phê duyệt, các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về lập kế hoạch đầu tư công năm sau và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì chuẩn bị và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản hướng dẫn cho các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các chủ đầu tư về mục tiêu, nội dung, trình tự, thời gian lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

### **Điều 23. Thời gian bố trí vốn để hoàn thành dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn**

Thực hiện theo Điều 13 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

### **Điều 24. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công điều chỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn vốn Ngân sách thành phố trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 75 Luật Đầu tư công.

Ủy ban nhân dân quận - huyện tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công điều chỉnh để trình Hội đồng nhân dân quận - huyện điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn vốn ngân sách quận - huyện trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 75 Luật Đầu tư công.

2. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm vốn Ngân sách thành phố giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm vốn ngân sách quận - huyện giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này và báo cáo Hội đồng nhân dân quận - huyện tại kỳ họp gần nhất.

#### **Chương IV**

### **LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG**

**Điều 25. Vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án đầu tư công**

1. Căn cứ chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ chương trình trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí lập (trường hợp thuê tư vấn), thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi từ nguồn kinh phí sự nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Căn cứ chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý dự án đề xuất chi phí tổ chức lập (trường hợp thuê tư vấn), thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư/ Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố/ Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

**Điều 26. Thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng**

1. Căn cứ các trường hợp phải thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng quy định tại Điều 15 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án tại Điều 30, Điều 32 Quy định này báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phương án thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng.

2. Việc tổ chức thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

**Điều 27. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án đầu tư công**

1. Căn cứ quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án xác định các công việc giai đoạn chuẩn bị dự án, phê duyệt dự toán gói thầu tư vấn để triển khai lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

2. Cơ quan quản lý dự án chịu trách nhiệm tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc lựa chọn tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 52, Điều 53, Điều 54 và Điều 55 Luật Xây dựng. Thời gian lập Báo cáo nghiên cứu khả thi được tính từ khi có quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư đến khi cơ quan quản lý dự án trình duyệt dự án: Không quá 06 (sáu) tháng đối với dự án nhóm C, không quá 10 (mười) tháng đối với dự án nhóm B. Trong trường hợp đấu thầu để lựa chọn tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc phải tổ chức thi tuyển thiết kế kiến trúc công trình, thời gian lập dự án được kéo dài thêm không quá 03 (ba) tháng.

3. Chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung, chất lượng và thời gian lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định nêu trên. Trường hợp thuê tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án có trách nhiệm quy định rõ trong hợp đồng ký kết với đơn vị tư vấn về nội dung, chất lượng và thời gian lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

Chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án có trách nhiệm quy định trong hợp đồng việc thực hiện các biện pháp xử lý đối với đơn vị tư vấn. Đơn vị tư vấn vi phạm về nội dung, chất lượng và thời gian lập Báo cáo nghiên cứu khả thi sẽ bị xử lý theo quy định hợp đồng và quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp dự án bị đình chỉ thực hiện do lỗi của đơn vị tư vấn, chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án có trách nhiệm thu hồi toàn bộ kinh phí chuẩn bị đầu tư đã được tạm ứng cho đơn vị tư vấn để hoàn trả lại cho ngân sách.

### **Điều 28. Thẩm quyền thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công**

1. Hội đồng thẩm định thành phố chịu trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình đầu tư công.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư chương trình theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 39 Luật Đầu tư công.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thẩm định, quyết định đầu tư chương trình sử dụng vốn ngân sách quận - huyện và vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách quận - huyện theo quy định.

### **Điều 29. Thẩm quyền thẩm định dự án có cấu phần xây dựng**

1. Các cơ quan tại khoản 2 Điều 30 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng đối với dự án nhóm A do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư.

2. Thủ trưởng các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 30 Quy định này giao đơn vị trực thuộc thẩm định dự án nhóm B, nhóm C và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện giao phòng có chức năng quản lý xây dựng thẩm định dự án, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư.

### **Điều 30. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư dự án nhóm A do Thành phố quản lý, trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo Luật Đầu tư công.

2. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho các Sở, Ban Quản lý Khu công nghệ cao quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng không thuộc khoản 3 Điều này như sau:

a) Sở Xây dựng quyết định đầu tư các công trình dân dụng, công trình sản xuất vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ, nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng và công trình xây dựng khác ngoại trừ các công trình tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều này.

b) Sở Giao thông vận tải quyết định đầu tư các công trình giao thông (bao gồm các công trình kè trên các tuyến sông, kênh rạch có chức năng giao thông thủy), công trình hạ tầng kỹ thuật; trừ công trình xử lý chất thải rắn, công trình thông tin, truyền thông, nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

d) Sở Công thương quyết định đầu tư các công trình công nghiệp trừ công trình sản xuất vật liệu xây dựng và công trình công nghiệp nhẹ.

đ) Sở Thông tin và Truyền thông quyết định đầu tư các công trình chuyên ngành thông tin, truyền thông, bưu chính, viễn thông.

e) Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định đầu tư các công trình xử lý chất thải rắn, công trình chuyên ngành tài nguyên, môi trường.

g) Ban Quản lý Khu công nghệ cao quyết định đầu tư các công trình xây dựng thuộc địa giới quản lý.

3. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện

quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố do các đơn vị trực thuộc quận - huyện và Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận - huyện làm chủ đầu tư, bao gồm: Dự án nhóm C; dự án trường phổ thông, trường mầm non nhóm B trở xuống; Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

### **Điều 31. Thẩm quyền thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng**

1. Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định dự án nhóm A do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư.

2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Trưởng ban Ban quản lý Khu công nghệ cao giao đơn vị trực thuộc thẩm định dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư theo phân cấp tại Điều 32 Quy định này. Trong quá trình thẩm định, tùy theo tính chất phức tạp của từng dự án, có thể tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan liên quan nhưng phải đảm bảo thời gian thẩm định và quyết định đầu tư dự án theo quy định.

3. Trường hợp cần thiết, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban quản lý Khu công nghệ cao gửi văn bản đề nghị Sở Tài chính cho ý kiến về giá của phương tiện, trang thiết bị trước khi phê duyệt; Sở Khoa học và Công nghệ cho ý kiến về công nghệ, thiết bị và các Sở chuyên ngành khác cho ý kiến đối với nội dung của dự án liên quan đến lĩnh vực quản lý.

4. Đối với dự án Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư, căn cứ nội dung, tính chất, quy mô của dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thẩm định.

5. Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan thẩm định; nếu quá thời hạn mà không có văn bản trả lời thì được xem là đồng ý với nội dung được hỏi ý kiến và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực quản lý của mình.

### **Điều 32. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư:

a) Dự án không có cấu phần xây dựng nhóm A do Thành phố quản lý, trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo Luật Đầu tư công.

2. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp quyết định đầu tư dự án không có cầu phân xây dựng nhóm B, nhóm C (trừ dự án tại khoản 3 điều này) như sau:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C; trừ các dự án đã phân cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông, Ban quản lý Khu công nghệ cao quyết định đầu tư.

b) Sở Thông tin và Truyền thông quyết định đầu tư dự án thuộc chuyên ngành thông tin, truyền thông, bưu chính, viễn thông.

c) Ban quản lý Khu công nghệ cao quyết định đầu tư dự án thuộc địa giới quản lý.

3. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư dự án nhóm C do các đơn vị trực thuộc quận - huyện và Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận - huyện làm chủ đầu tư.

### **Điều 33. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công**

1. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 41 Luật Đầu tư công.

2. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 42 Luật Đầu tư công

3. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 43 của Luật Đầu tư công:

a) Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình sử dụng vốn Ngân sách thành phố, gửi chủ chương trình hoàn chỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện thành lập Hội đồng để tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình sử dụng vốn cân đối ngân sách quận - huyện, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách quận - huyện, gửi chủ chương trình hoàn chỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định; hồ sơ, thời gian quyết định chương trình thực hiện theo Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của

Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

**Điều 34. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng**

1. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án nhóm A sử dụng vốn Ngân sách thành phố:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, cơ quan quản lý dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

b) Cơ quan quản lý dự án trình các cơ quan tại khoản 2 Điều 30 Quy định này thẩm định dự án.

c) Cơ quan quản lý dự án hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư.

2. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn Ngân sách thành phố:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, cơ quan quản lý dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

b) Cơ quan quản lý dự án trình các cơ quan tại khoản 2 Điều 30 Quy định này thẩm định, quyết định đầu tư dự án.

3. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án nhóm C được phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, cơ quan quản lý dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện giao phòng có chức năng quản lý xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định.

c) Cơ quan quản lý dự án hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư.

4. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định; hồ sơ, thời gian quyết định dự án thực hiện theo Luật Xây dựng, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP



ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

**Điều 35. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng**

1. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án nhóm A sử dụng vốn Ngân sách thành phố:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, cơ quan quản lý dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

b) Cơ quan quản lý dự án trình Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định dự án.

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố, cơ quan quản lý dự án hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến thẩm định, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn Ngân sách thành phố:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, cơ quan quản lý dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

b) Cơ quan quản lý dự án trình cơ quan tại khoản 2 Điều 32 Quy định này thẩm định, quyết định đầu tư dự án.

3. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án nhóm C được phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, cơ quan quản lý dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

c) Cơ quan quản lý dự án hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư.

4. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định; hồ sơ, thời gian quyết định dự án thực hiện theo Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ

hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

### **Điều 36. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án khẩn cấp**

Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án khẩn cấp thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

### **Điều 37. Điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công**

1. Cơ quan quyết định đầu tư chương trình, dự án thực hiện việc điều chỉnh chương trình, dự án. Trường hợp điều chỉnh dự án dẫn đến thay đổi thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan có thẩm quyền quyết định dự án có nội dung điều chỉnh thực hiện điều chỉnh dự án.

2. Chương trình, dự án được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Điều 46 Luật Đầu tư công, Điều 61 Luật Xây dựng. Cấp có thẩm quyền chỉ được điều chỉnh chương trình, dự án sau khi cơ quan thẩm định thực hiện kiểm tra, giám sát đánh giá theo quy định.

3. Trình tự, nội dung lập, thẩm định, quyết định điều chỉnh chương trình, dự án; hồ sơ, nội dung thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án điều chỉnh; nội dung thẩm định, hồ sơ, thời gian quyết định điều chỉnh chương trình, dự án thực hiện theo quy định của Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

### **Điều 38. Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

1. Sau khi có quyết định chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân quận - huyện cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất trình thẩm định, phê duyệt theo quy định. Sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án từ nhóm B trở lên, chủ đầu tư có văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư với các nội dung: sự cần thiết tách nội dung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư độc lập; dự kiến đơn vị làm chủ đầu tư dự án; đề xuất ghi vốn chuẩn bị lập dự án, khái toán tổng vốn để thực hiện dự án. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép tách phần giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập để thực hiện trước, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách

nhiệm tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhóm A và thẩm định, phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhóm B, nhóm C theo quy định của Thành phố và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 39. Dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố được thực hiện trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác**

Trường hợp dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố được thực hiện trên địa bàn tỉnh, thành phố khác, các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành tại khoản 2 Điều 30 Quy định này (đối với dự án có cấu phần xây dựng), Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án không có cấu phần xây dựng) chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo công tác lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện dự án phù hợp với Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Chương V**  
**THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG**

**Điều 40. Vốn thực hiện dự án**

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và quyết định đầu tư dự án, Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện bố trí vốn thực hiện dự án cho các dự án để giải phóng mặt bằng, lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán của dự án hoặc hạng mục của dự án và tổ chức thi công cho các dự án đã hoàn thành nhưng chưa được bố trí đủ vốn, dự án dự kiến hoàn thành, dự án đang thực hiện, dự án khởi công mới.

**Điều 41. Tổ chức quản lý dự án**

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng:

a) Người quyết định đầu tư tại Điều 30 Quy định này quyết định hình thức tổ chức quản lý dự án là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực theo Điều 63 Luật Xây dựng năm 2014, Điều 17 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.

b) Trường hợp chủ đầu tư dự án không phải là Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án khu vực thì người quyết định đầu tư giao chủ đầu tư có trách

nhiệm ký hợp đồng thuê Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án khu vực để thực hiện quản lý dự án theo quy định.

c) Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng, việc quản lý dự án thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Căn cứ yêu cầu quản lý và điều kiện cụ thể của dự án, người quyết định đầu tư tại Điều 32 Quy định này quyết định một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án sau nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu đầu tư, hiệu quả dự án đã được phê duyệt:

a) Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án.

b) Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

c) Chủ đầu tư thuê Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án khu vực thực hiện quản lý dự án.

#### **Điều 42. Thẩm định thiết kế, dự toán**

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng:

a) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành tại khoản 2 Điều 30 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 3 bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 2 bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng, chiều cao không quá 75m; công trình từ cấp II trở xuống trên địa bàn Thành phố theo quy định pháp luật về xây dựng.

b) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành tại khoản 2 Điều 30 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 3 bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 2 bước) công trình thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư.

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng đối với dự án do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư.

d) Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước.

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định dự toán của dự án nhóm A do Chủ

tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư và dự án nhóm B, nhóm C do mình quyết định đầu tư.

b) Sở Thông tin - Truyền thông, Ban Quản lý Khu công nghệ cao tổ chức thẩm định dự toán của dự án nhóm B, nhóm C do mình quyết định đầu tư.

c) Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thẩm định dự toán của dự án nhóm C do mình quyết định đầu tư.

3. Thời gian thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

a) Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III.

b) Không quá 20 ngày đối với các công trình còn lại.

c) Trường hợp Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp đơn vị tư vấn thẩm tra, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn, ký hợp đồng với tư vấn thẩm tra; thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 20 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; 15 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; 10 ngày đối với các công trình còn lại. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng.

#### **Điều 43. Phê duyệt thiết kế, dự toán**

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng:

a) Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước.

b) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán bước thiết kế bản vẽ thi công trường hợp thiết kế ba bước.

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Thủ trưởng các cơ quan tại khoản 2 Điều 32 Quy định này phê duyệt dự toán của các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư.

#### **Điều 44. Điều chỉnh thiết kế, dự toán**

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng: Cơ quan phê duyệt thiết kế, dự toán thực

hiện điều chỉnh thiết kế, dự toán theo Điều 84 Luật Xây dựng và Điều 11 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng:

a) Thủ trưởng các cơ quan tại khoản 2 Điều 32 Quy định này tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán điều chỉnh của dự án do mình quyết định đầu tư

b) Đối với dự án nhóm A do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định dự toán điều chỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

#### **Điều 45. Lựa chọn nhà thầu**

1. Đối với dự án nhóm A do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư:

a) Đối với dự án có cấu phần xây dựng: Thủ trưởng các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 30 Quy định này tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án theo lĩnh vực, địa bàn quản lý.

b) Đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua thuốc, vật tư y tế.

2. Giám đốc các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện được phân cấp quyết định đầu tư tại Điều 30 và Điều 32 Quy định này thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền theo Điều 73 Luật Đấu thầu năm 2013.

3. Chủ đầu tư dự án thực hiện trách nhiệm theo Điều 74 Luật Đấu thầu năm 2013.

4. Các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư phải thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định pháp luật về đấu thầu và quy định pháp luật khác có liên quan; bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

#### **Điều 46. Giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu**

1. Cơ quan quyết định đầu tư dự án cử cá nhân hoặc đơn vị có chức năng quản lý về hoạt động đấu thầu tham gia giám sát, theo dõi việc thực hiện của chủ đầu tư, bên mời thầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do

mình quyết định khi thấy cần thiết; tập trung giám sát, theo dõi đối với các chủ đầu tư, bên mời thầu có thắc mắc, kiến nghị, đối với các gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, các gói thầu có giá trị lớn, đặc thù, yêu cầu cao về kỹ thuật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức việc giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu đối với các dự án mua sắm do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư.

3. Việc giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu phải được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

#### **Điều 47. Quản lý cấp phép xây dựng**

Việc quản lý cấp phép xây dựng thực hiện theo Quy định về cấp phép xây dựng do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, đảm bảo phù hợp với Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

#### **Điều 48. Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng**

1. Công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, các văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

3. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu công nghệ cao chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý theo khoản 2 Điều 30 Quy định này.

4. Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình xây dựng do mình quyết định đầu tư; phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quản lý chất lượng các công trình trên địa bàn quận - huyện.

#### **Điều 49. Quản lý, thanh toán vốn đầu tư các dự án đầu tư công**

1. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước đến hết ngày 31 tháng 12 năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

2. Thời gian giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm được kéo dài sang năm sau sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận. Trường hợp đặc biệt, được cấp có thẩm quyền cho phép thì được kéo dài thời gian giải ngân nhưng không quá kế hoạch đầu tư công trung hạn.

### **Điều 50. Quyết toán vốn đầu tư**

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm tra và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư; thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án nhóm B, C do các cơ quan tại Điều 30, Điều 32 Quy định này quyết định đầu tư.

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm thẩm tra và trình Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án nhóm C do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Các dự án từ nhóm B trở lên, khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đều phải thực hiện kiểm toán quyết toán vốn đầu tư trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Các dự án còn lại thực hiện kiểm toán quyết toán theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán được người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chấp thuận.

3. Thời gian lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư và trách nhiệm của các bên liên quan thực hiện theo quy định. Sau 06 (sáu) tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, các chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết công nợ, tất toán tài khoản tại cơ quan thanh toán vốn đầu tư.

4. Cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án hàng năm của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước như sau:

a) Sở Tài chính thẩm tra và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án hàng năm đối với các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quản lý.

b) Cấp trên quản lý trực tiếp của chủ đầu tư phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án hàng năm của chủ đầu tư và Ban quản lý dự án.

5. Các dự án đầu tư công của Thành phố sau khi hoàn thành đều phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước. Chủ đầu tư, chủ chương trình chịu trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán trình cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán đúng thời gian quy định.



Đối với các dự án chậm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, vi phạm quy định về lập hồ sơ quyết toán, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện biện pháp xử lý hoặc quyết định xử lý vi phạm theo quy định; đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư danh sách các chủ đầu tư, chủ chương trình, nhà thầu vi phạm để tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố áp dụng các biện pháp theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước.

## Chương VI

### GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

**Điều 51. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư:**

1. Giám sát chương trình, dự án đầu tư công

a) Cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, chuẩn bị đầu tư dự án thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, chuẩn bị đầu tư dự án.

b) Chủ chương trình, chủ dự án thành phần, chủ đầu tư thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình đầu tư chương trình, dự án đầu tư công theo nội dung và các chỉ tiêu được phê duyệt nhằm bảo đảm mục tiêu và hiệu quả đầu tư.

c) Cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án thực hiện kiểm tra ít nhất một lần đối với các chương trình, dự án có thời gian thực hiện đầu tư trên 12 tháng.

d) Các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức theo dõi, kiểm tra chương trình, dự án thuộc phạm vi quản lý.

đ) Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện chương trình, dự án theo nội dung chủ trương đầu tư được phê duyệt

e) Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan chủ quản và người quyết định đầu tư quyết định việc tổ chức kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất.

g) Nội dung giám sát chương trình, dự án đầu tư công được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

## 2. Đánh giá chương trình, dự án đầu tư công

a) Chủ chương trình, chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc.

b) Người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá đột xuất, đánh giá tác động. Người quyết định đầu tư có thể giao cho chủ sử dụng hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thực hiện đánh giá tác động dự án do mình quyết định đầu tư. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công tổ chức thực hiện các loại đánh giá theo kế hoạch và đánh giá đột xuất dự án thuộc phạm vi quản lý.

c) Việc đánh giá chương trình, dự án được thực hiện theo Điều 11 và Điều 18 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

d) Nội dung đánh giá dự án đầu tư công theo quy định tại Điều 81 của Luật Đầu tư công.

## 3. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Lập Kế hoạch giám sát, đánh giá dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố (kể cả các dự án phân cấp và ủy quyền cho cấp dưới quyết định đầu tư) định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả giám sát, đánh giá dự án.

b) Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với những dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư; hướng dẫn các Sở, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các chủ đầu tư thực hiện công tác giám sát đánh giá đầu tư.

c) Đôn đốc, giám sát việc thực hiện quy định về cập nhật thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi tắt là hệ thống thông tin nghiệp vụ) của các cơ quan, đơn vị, Tổng công ty, công ty trực thuộc thành phố nhằm đảm bảo thông tin của tất cả các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công đều được cập nhật trên hệ thống.

d) Xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền về giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định xử lý đối với các

chủ đầu tư dự án không thực hiện cập nhật thông tin hoặc không báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định xử lý: Khiển trách đối với các chủ đầu tư không có báo cáo 2 kỳ liền hoặc 3 kỳ không báo cáo; cảnh cáo đối với các chủ đầu tư không báo cáo 3 kỳ liền hoặc 4 kỳ không báo cáo; thay chủ chương trình, chủ đầu tư; không giao làm chủ đầu tư các dự án khác.

### **Điều 52. Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư**

Các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các công ty - tổng công ty trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi quản lý theo quy định

### **Điều 53. Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

2. Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm hỗ trợ, hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc phường - xã trong việc tổ chức triển khai, thực hiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng.

### **Điều 54. Chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án

a) Cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư công thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trên hệ thống thông tin nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư các loại báo cáo sau: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: quý I, 6 tháng, quý III và năm; Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi trình quyết định chủ trương đầu tư dự án.

b) Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trên hệ thống thông tin nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư các loại báo cáo sau: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ quý I, 6 tháng, quý III và năm; Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi trình quyết định đầu tư dự án.

c) Chủ đầu tư các dự án đầu tư công thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trên hệ thống thông tin nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với các loại báo cáo sau: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: quý I, 6 tháng, quý III và năm; Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khởi công dự án; Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi

điều chỉnh dự án; Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc dự án; Báo cáo đánh giá dự án đầu tư do mình tổ chức thực hiện.

d) Chủ sử dụng dự án đầu tư công thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trên hệ thống thông tin nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư các loại báo cáo sau: Báo cáo giám sát, đánh giá tình hình khai thác, vận hành dự án hằng năm trong thời gian từ khi đưa dự án vào khai thác, vận hành đến khi có Báo cáo đánh giá tác động dự án; Báo cáo đánh giá tác động dự án.

2. Chế độ cập nhật thông tin chương trình, dự án trực tuyến đối với chủ đầu tư, chủ dự án thành phần

a) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt đầu tư, phải thực hiện cập nhật thông tin chương trình, dự án theo Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư vào Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

b) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày có điều chỉnh hoặc phát sinh, phải cập nhật các thông tin sau vào Hệ thống thông tin nghiệp vụ, bao gồm: phê duyệt điều chỉnh dự án; phê duyệt, điều chỉnh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch, kết quả lựa chọn nhà thầu; hợp đồng, điều chỉnh hợp đồng; kế hoạch vốn được cấp; giá trị nghiệm thu, giá trị giải ngân; thông tin về đánh giá, kiểm tra.

c) Định kỳ hằng tháng, phải cập nhật khối lượng thực hiện tại hiện trường; thông tin hình ảnh hoặc phim về hiện trạng thi công tại hiện trường đối với các dự án có cấu phần xây dựng (nếu có phát sinh).

d) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt quyết toán phải thực hiện cập nhật thông tin quyết toán dự án theo Quyết định phê duyệt quyết toán khi kết thúc chương trình, dự án.

đ) Các văn bản yêu cầu phải đính kèm bản quét màu (bản scan) văn bản gốc hoặc văn bản điện tử có chữ ký số chuyên dùng lên Hệ thống thông tin nghiệp vụ bao gồm: Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có); Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Quyết định điều chỉnh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (nếu có); Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có); Báo cáo kết quả đánh giá; Báo cáo kết quả kiểm tra; Báo cáo giám sát, đánh giá dự án theo quy định tại Khoản 5 Điều này; Quyết định phê duyệt quyết toán.

e) Định kỳ hàng quý, trước ngày 30 của tháng cuối quý (riêng quý IV là vào ngày 31 tháng 01 năm sau) phải rà soát, bổ sung thông tin chương trình, dự án và xác nhận dữ liệu đã cập nhật.

g) Chịu trách nhiệm về thông tin, dữ liệu đã cập nhật vào Hệ thống thông tin nghiệp vụ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật do báo cáo, cung cấp thông tin không chính xác về tình hình thực hiện đầu tư trong phạm vi quản lý.

3. Chế độ cập nhật thông tin chương trình, dự án trực tuyến đối với các Sở-ban ngành, Ủy ban nhân dân các quận-huyện, Tổng công ty, công ty trực thuộc thành phố

a) Chịu trách nhiệm đôn đốc, giám sát việc thực hiện quy định về cập nhật thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của các cơ quan cấp dưới, các chủ đầu tư, các chủ dự án thành phần thuộc phạm vi quản lý.

b) Chỉ đạo các chủ chương trình, chủ dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý thực hiện cập nhật thông tin, báo cáo của dự án theo đúng nội dung và thời gian quy định.

c) Định kỳ hàng quý, trước ngày 05 của tháng đầu quý tiếp theo phải thực hiện xác nhận dữ liệu đã cập nhật trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của các chương trình, dự án do các chủ dự án thành phần, chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý cập nhật trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

#### 4) Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư

Các cơ quan, đơn vị thực hiện Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng và cả năm trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 09 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước; thay thế cho việc báo cáo giấy định kỳ.

### **Điều 55. Thời hạn báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư**

#### 1. Thời hạn báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư:

a) Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện báo cáo giám sát tổng thể đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng trước ngày 05 tháng 07 hàng năm và báo cáo cả năm trước ngày 05 tháng 02 năm sau.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 06 tháng trước ngày 10 tháng 07 hàng năm và cả năm trước ngày

15 tháng 02 năm sau.

2. Thời hạn cập nhật báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 69 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

#### **Điều 56. Trách nhiệm và xử lý vi phạm của các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư**

Trách nhiệm và xử lý vi phạm của các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

### **Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 57. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các chương trình, dự án đã được thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu khả thi trước ngày Quy định này có hiệu lực thì không phải thẩm định lại. Cơ quan thẩm định có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư; quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư. Trong quá trình triển khai chương trình, dự án, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt các bước tiếp theo thực hiện theo Quy định này.

2. Các chương trình, dự án đã gửi hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu khả thi về cơ quan thẩm định nhưng chưa được thẩm định, chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án nhận lại hồ sơ để thực hiện theo trình tự, thủ tục của Quy định này.

3. Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án đã được quyết định đầu tư trước ngày Quy định này có hiệu lực, thẩm quyền thẩm định, quyết định điều chỉnh thực hiện theo Quy định này.

#### **Điều 58. Trách nhiệm thi hành**

1. Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện nhiệm vụ đúng thời gian theo Quy định này và phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố nếu để xảy ra tình trạng giải quyết hồ sơ vượt quá thời gian quy định.

2. Khi hỏi ý kiến của các cơ quan có liên quan, cơ quan hỏi phải nêu rõ ý kiến của mình. Nếu quá thời gian cho phép mà cơ quan được hỏi không trả lời thì xem như chấp thuận và phải chịu trách nhiệm về những nội dung được hỏi ý kiến; cơ quan hỏi ý kiến thực hiện các bước tiếp theo mà không phải chờ văn bản trả lời của cơ quan được hỏi ý kiến.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về công tác lập, thẩm định, phê duyệt và trình tự, thủ tục thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Quy định này, làm đầu mối tập hợp các báo cáo, vướng mắc và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2018/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2018

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động  
đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố tại Tờ trình số 519/TTr-BQLATTP ngày 20 tháng 4 năm 2018, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 683/STP-VB ngày 23 tháng 01 năm 2018 và của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1635/TTr-SNV ngày 09 tháng 5 năm 2018.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2018, thay thế Quyết



định số 16/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở - ban- ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Phối hợp liên ngành trong hoạt động bảo đảm  
an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND  
ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn liên quan đến công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

##### **Điều 2. Mục đích, yêu cầu**

Đảm bảo thực hiện chỉ đạo xuyên suốt từ thành phố đến quận - huyện, phường - xã - thị trấn, tăng cường trách nhiệm và quy định về phân công, phân cấp, phối hợp giữa các ngành, các tổ chức chính trị xã hội và địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

##### **Điều 3. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn liên quan đến công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố, bao gồm các sở - ban - ngành thành phố có liên quan và Ủy ban nhân dân quận - huyện.

### **Chương II**

#### **NGUYÊN TẮC VÀ NỘI DUNG PHỐI HỢP**

##### **Điều 4. Nguyên tắc phối hợp**

1. Chấp hành sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố và các Bộ - ngành Trung ương.
2. Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan phối

hợp và tuân thủ quy định của pháp luật trong hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm.

3. Đảm bảo phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị, tránh hình thức, chồng chéo, thiếu trách nhiệm gây ảnh hưởng đến hiệu quả công tác; giảm thiểu tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của người dân, doanh nghiệp và hộ kinh doanh.

4. Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương khách quan trong quá trình phối hợp, cùng phát hiện những điểm bất hợp lý, chưa phù hợp trong việc tổ chức thực hiện để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với nhiệm vụ, đảm bảo được yêu cầu chuyên môn, chất lượng và thời gian phối hợp.

5. Cơ quan phối hợp khi nhận được đề nghị phối hợp trong công tác quản lý an toàn thực phẩm của cơ quan chủ trì phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về lĩnh vực, chuyên môn quản lý của ngành mình.

6. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải bàn bạc, giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Trường hợp không thống nhất hướng giải quyết, phải báo cáo Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm thành phố để xin ý kiến giải quyết hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trong trường hợp cần thiết.

7. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

### **Điều 5. Nội dung phối hợp**

1. Xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch về hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm.

3. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

4. Hướng dẫn và quản lý chuyên môn, nghiệp vụ về an toàn thực phẩm.

5. Cung cấp thông tin, số liệu và báo cáo về tình hình an toàn thực phẩm.

6. Điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm; triển khai thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục các sự cố về an toàn thực phẩm, ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

7. Các nội dung khác liên quan đến công tác quản lý an toàn thực phẩm.

### **Điều 6. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp**

Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thực hiện công tác quản

lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

Các đơn vị: Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố, Công an thành phố, Liên đoàn Lao động thành phố, Cục Hải quan thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội là các cơ quan phối hợp.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TÁC PHỐI HỢP**

#### **Điều 7. Trách nhiệm của Ban Quản lý An toàn thực phẩm**

1. Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ban Quản lý An toàn thực phẩm) là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm thành phố, đầu mối tổng hợp trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố các giải pháp đảm bảo an toàn thực phẩm.

2. Xây dựng kế hoạch phối hợp thực hiện công tác, trong đó xác định nhiệm vụ của từng cơ quan phối hợp; chủ trì, điều phối triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm thành phố; tổng hợp báo cáo, kế hoạch trình Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan thẩm quyền về tình hình đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

3. Chủ trì tổ chức hoạt động của các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm, thực hiện kiểm tra công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

4. Đầu mối giám sát mỗi nguy ô nhiễm thực phẩm trên địa bàn thành phố, tham mưu Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm thành phố chỉ đạo các sở - ban ngành, đơn vị liên quan tổ chức giám sát chất lượng thực phẩm, kiểm soát các mối nguy về an toàn thực phẩm; tham mưu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn thực phẩm phù hợp cơ chế đặc thù của thành phố theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội.

5. Chủ trì thực hiện Đề án xây dựng mô hình thí điểm quản lý thực phẩm theo

“chuỗi thực phẩm an toàn” tại thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020; Đề án Quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo, thịt gia cầm, trứng gia cầm và Dự án Mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

7. Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện trong hoạt động truyền thông, thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm trên địa bàn; điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm.

8. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công tác an toàn thực phẩm đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

9. Hỗ trợ Ủy ban nhân dân quận - huyện trong hoạt động truy xuất nguồn gốc thực phẩm không đảm bảo an toàn, điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm và công tác phòng, chống bệnh truyền qua thực phẩm.

10. Phối hợp với các đoàn kiểm tra liên ngành phòng, chống dịch gia súc gia cầm thành phố xử lý các trường hợp vi phạm về an toàn thực phẩm trong vận chuyển, lưu thông, kinh doanh sản phẩm động vật trái phép trên địa bàn thành phố.

11. Tăng cường phối hợp với các tỉnh trong việc kiểm soát an toàn thực phẩm.

12. Cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu cần thiết liên quan công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố định kỳ hàng tháng và theo đề nghị của cơ quan phối hợp. Hỗ trợ hướng dẫn, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

### **Điều 8. Trách nhiệm của Sở Y tế**

1. Là cơ quan phối hợp trong công tác quản lý liên ngành về an toàn thực phẩm.

2. Đầu mối chỉ đạo công tác cấp cứu, điều trị bệnh nhân khi xảy ra ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm.

3. Chỉ đạo các cơ sở điều trị hỗ trợ công tác điều tra dịch tễ, điều tra lâm sàng khi có yêu cầu.

### **Điều 9. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Là cơ quan phối hợp trong công tác quản lý liên ngành về an toàn thực phẩm.

2. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm tham mưu Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm thành phố trong việc xây dựng các chương trình, kế

hoạch quản lý, đảm bảo an toàn thực phẩm đối với sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản và hoạt động kiểm soát giết mổ trên địa bàn thành phố.

3. Chủ trì và thực hiện quản lý nhà nước đối với sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối, bao gồm: Quá trình trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản; sản xuất muối; hoạt động kiểm soát giết mổ trên địa bàn thành phố.

4. Chủ trì tổ chức lấy mẫu giám sát phân tích nguy cơ đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản ban đầu của quá trình sản xuất, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác,... tại thành phố Hồ Chí Minh theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

5. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm, sở - ban - ngành liên quan trong việc quản lý và kiểm soát nguồn gốc, chất lượng nông sản thực phẩm từ các địa phương khác đưa về thành phố tiêu thụ; phối hợp tổ chức truy xuất nguồn gốc thực phẩm không bảo đảm an toàn do tổ chức, cá nhân sản xuất, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ tại thành phố Hồ Chí Minh.

6. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm trong việc thực hiện Đề án xây dựng mô hình thí điểm quản lý thực phẩm theo “chuỗi thực phẩm an toàn” tại thành phố Hồ Chí Minh; Đề án Quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo, thịt gia cầm, trứng gia cầm và Dự án Mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

7. Phối hợp với các đoàn kiểm tra liên ngành về phòng, chống dịch bệnh ở gia súc, gia cầm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm trên địa bàn thành phố, kiểm tra xử lý các trường hợp vi phạm trong vận chuyển, lưu thông sản phẩm động vật trái phép trên địa bàn thành phố.

8. Phối hợp kiểm soát xử lý vi phạm nguồn thực phẩm (thịt và sản phẩm từ thịt) tại các Trạm Kiểm dịch động vật đầu mối giao thông trên địa bàn thành phố.

### **Điều 10. Trách nhiệm của Sở Công Thương**

1. Là cơ quan phối hợp trong công tác quản lý liên ngành về an toàn thực phẩm.

2. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm tham mưu Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm thành phố trong việc xây dựng các chương trình, kế hoạch quản lý, đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

3. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm trong việc thực hiện Đề án xây dựng mô hình thí điểm quản lý thực phẩm theo “chuỗi thực phẩm an toàn” tại thành phố Hồ Chí Minh; Đề án Quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo, thịt gia cầm, trứng gia cầm và Dự án Mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm trên

địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

4. Chủ trì và phối hợp sở - ban- ngành liên quan trong việc quản lý, kiểm soát chất lượng, nguồn gốc hàng hóa lưu thông trên địa bàn thành phố; phòng chống, ngăn chặn hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ, không đảm bảo an toàn thực phẩm lưu thông trên địa bàn thành phố.

5. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm tổ chức kết nối tiêu thụ sản phẩm thực phẩm an toàn, tổ chức xúc tiến và quảng bá sản phẩm an toàn.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Sở Văn hóa và Thể thao**

1. Phối hợp trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về kinh doanh dịch vụ ăn uống tại các lễ hội, sự kiện, các hoạt động triển lãm, hoạt động quảng cáo đối với sản phẩm thực phẩm trên địa bàn thành phố.

2. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý triển khai các hoạt động truyền thông về đảm bảo an toàn thực phẩm.

#### **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Chỉ đạo các cơ quan báo, đài thành phố quan tâm tuyên truyền thường xuyên về các chủ đề liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm, thực phẩm an toàn với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Xây dựng các chương trình truyền hình phù hợp từng đợt cao điểm; hướng dẫn các cơ quan báo đài chú trọng thông tin về công tác xây dựng mô hình thí điểm quản lý thực phẩm theo “Chuỗi thực phẩm an toàn”. Xử lý kịp thời các thông tin trái chiều, không chính xác, gây ảnh hưởng đến uy tín của tập thể, cá nhân sản xuất, chế biến thực phẩm an toàn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Phối hợp cùng Ban Quản lý An toàn thực phẩm và các đơn vị có liên quan, cung cấp thông tin cho báo chí để đảm bảo tuyên truyền kịp thời, chính xác các chủ trương, chỉ thị của Trung ương và Ủy ban nhân dân thành phố nhằm thực hiện hiệu quả các cuộc vận động, tuyên truyền.

#### **Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Phối hợp hướng dẫn về chuyên môn để thực hiện việc xử lý tiêu hủy các sản phẩm thực phẩm, hóa chất phụ gia thực phẩm không đạt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, đảm bảo quy định hiện hành.

2. Kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thành phố.

**Điều 14. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố**

1. Phối hợp các cơ quan chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra,

giám sát về an toàn thực phẩm; triển khai hệ thống tự kiểm tra, nâng cao hiệu quả kiểm tra an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong các khu Chế xuất và Công nghiệp, khu Công nghệ cao, khu Nông nghiệp Công nghệ cao.

2. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm vận động 100% cơ sở có bếp ăn tập thể trong khu vực quản lý ký cam kết thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

3. Phối hợp cơ quan chức năng quy hoạch các khu Chế xuất và khu Công nghiệp, khu Công nghệ cao, khu Nông nghiệp Công nghệ cao còn quỹ đất dịch vụ đảm bảo địa điểm bố trí cơ sở cung cấp suất ăn sẵn đạt chuẩn, các doanh nghiệp có quy mô trên 1.000 suất ăn thì vận động thành lập bếp ăn tập thể tại chỗ, nâng cao chất lượng suất ăn nhằm đảm bảo suất ăn được an toàn cho người lao động.

4. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm trong công tác điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm trong khu vực quản lý.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo**

1. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm trong công tác tuyên truyền, giáo dục; chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn không để các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm, không có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc không có Bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm cung cấp thực phẩm, thức ăn cho các căng tin, bếp ăn tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố.

2. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm tổ chức, chỉ đạo thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tại trường học; chỉ đạo, tuyên truyền tại các cơ sở giáo dục thực hiện nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thực phẩm bao gói, chế biến sẵn bảo đảm có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm trong việc giới thiệu các mô hình cung cấp sản phẩm bảo đảm an toàn thực phẩm, chuỗi thực phẩm an toàn, cơ sở cung cấp thực phẩm đạt các chứng nhận HACCP, ISO 22000:2005, VietGAP, GlobalGAP,... cung cấp cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố.

4. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm trong công tác điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm tại các cơ sở giáo dục trong phạm vi, chức năng quy định.

5. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm trong công tác kiểm tra tại các



bếp ăn tập thể, căng tin trong trường học.

### **Điều 16. Trách nhiệm của Công an thành phố**

1. Chỉ đạo lực lượng chức năng phối hợp các sở - ban - ngành trong công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm.

2. Tiếp nhận, điều tra, xử lý và truy tố các vụ việc vi phạm về an toàn thực phẩm của cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm gây nguy hại sức khỏe người tiêu dùng.

3. Phối hợp điều tra xử lý ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm.

### **Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

1. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm, các sở - ban - ngành tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí dự toán kinh phí hàng năm cho các cơ quan triển khai thực hiện các hoạt động về đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

2. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí bố trí dự toán hàng năm cho các cơ quan triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

### **Điều 18. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Tổ chức hướng dẫn việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm trên địa bàn; chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra nhãn hàng hóa, chất lượng và đo lường sản phẩm thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh.

2. Tạo điều kiện hỗ trợ triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ liên quan đến an toàn thực phẩm, cụ thể là nghiên cứu các bộ kit phát hiện nhanh các chất độc hại trong thực phẩm hàng ngày, sản phẩm chế biến trong trồng trọt và chăn nuôi; nghiên cứu thiết kế các hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm; nghiên cứu sử dụng chế phẩm sinh học nguồn gốc từ thảo dược để thay thế kháng sinh và thuốc bảo vệ thực vật nguồn gốc hóa học trong chăn nuôi, trồng trọt để đảm bảo an toàn thực phẩm; nghiên cứu công nghệ bảo quản, chế biến an toàn.

### **Điều 19. Trách nhiệm của Liên đoàn Lao động thành phố**

1. Phối hợp cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát về an toàn vệ sinh thực phẩm, vận động doanh nghiệp đảm bảo suất ăn giữa ca có chất lượng nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm cho người lao động tại các doanh nghiệp.

2. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm xây dựng đề án khảo sát tình hình dinh dưỡng, tình an toàn thực phẩm của suất ăn phục vụ công nhân tại các bếp ăn tập thể.

3. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm triển khai và giám sát việc hệ thống tự kiểm tra tại các bếp ăn tập thể.

4. Thông tin kịp thời cho Ban Quản lý An toàn thực phẩm khi nhận được cảnh cáo về nguy cơ mất an toàn thực phẩm.

**Điều 20. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm.

2. Phối hợp với Liên đoàn Lao động thành phố tuyên truyền, giáo dục, nâng cao kiến thức về an toàn thực phẩm cho người lao động.

**Điều 21. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Cung cấp thông tin doanh nghiệp và phối hợp trong công tác xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập ban hành Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 22. Trách nhiệm của Cục Hải quan thành phố**

1. Phối hợp triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu, đảm bảo các sản phẩm thực phẩm chỉ được thông quan khi có Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc kết quả kiểm tra chuyên ngành đáp ứng yêu cầu quản lý đối với hàng hóa nhập khẩu của cơ quan kiểm tra chuyên ngành.

2. Cung cấp kịp thời thông tin về các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu không đảm bảo an toàn thực phẩm khi có yêu cầu từ các cơ quan quản lý có liên quan.

**Điều 23. Trách nhiệm của Sở Du lịch**

1. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm tổ chức truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo chuyên đề về an toàn thực phẩm cho các cơ sở phục vụ du lịch (gồm khu du lịch; các khu vui chơi, giải trí, nhà hàng trong các cơ sở lưu trú; cơ sở ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch,...); ký cam kết đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; mở các chuyên trang, chuyên mục về an toàn thực phẩm, cảnh báo thực phẩm không an toàn, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm; công khai danh sách các đơn vị có hành vi vi phạm an toàn thực phẩm trên cổng thông tin điện tử Sở Du lịch.

2. Phối hợp thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát các cơ sở phục vụ du lịch; các cơ sở tham gia sự kiện, lễ hội.

3. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm xây dựng các phương án xử lý kịp thời, hiệu quả nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của sự cố liên quan đến thực phẩm;

điều tra nguyên nhân xảy ra sự cố về thực phẩm.

**Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận - huyện**

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, chủ động triển khai các giải pháp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn: Truyền thông, kiểm tra, giám sát, điều tra và xử lý ngộ độc thực phẩm theo phân cấp.

2. Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo an toàn thực phẩm hàng năm trên địa bàn thành phố; cập nhật, thống kê tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý và thông tin kịp thời về Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

3. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã được cơ quan chức năng thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân quận - huyện tiến hành xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm và nếu vượt thẩm quyền sẽ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

4. Chỉ đạo Đoàn thanh tra chuyên ngành, kiểm tra liên ngành Vệ sinh an toàn thực phẩm quận - huyện kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn quận - huyện theo thẩm quyền được phân cấp.

5. Tham gia phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thành phố.

**Điều 25. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố**

Phối hợp với các sở - ban - ngành liên quan trong tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp quận - huyện phối hợp với chính quyền cùng cấp tổ chức tuyên truyền, vận động phổ biến pháp luật, kiến thức an toàn thực phẩm và tăng cường hoạt động giám sát an toàn thực phẩm trên địa bàn.

**Chương IV**

**CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ BÁO CÁO LIÊN NGÀNH**

**Điều 26. Chế độ hội họp**

Tổ chức họp định kỳ 6 tháng 01 lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu của Ban Chỉ

đạo liên ngành về an toàn thực phẩm thành phố.

**Điều 27. Chế độ báo cáo**

Các Sở - ban- ngành thành phố có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện có chế độ báo cáo theo định kỳ (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm thành phố.

**Chương V**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 28. Điều khoản thi hành**

Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, bất cập cần phải điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp tình hình thực tế, các đơn vị phản ánh kịp thời về Ban Quản lý An toàn thực phẩm để tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2018/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2018*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 220/2015/TTLT-BTC-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2049/TTr-STC ngày 05 tháng 4 năm 2018; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1470/STP-VB ngày 21 tháng 02 năm 2017 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1370/TTr-SNV ngày 18 tháng 4 năm 2018,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 6 năm 2018 và thay thế Quyết định số 27/2010/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND*

*ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về tài chính; ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; tài sản nhà nước; các quỹ tài chính Nhà nước; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; kế toán; kiểm toán độc lập; giá và hoạt động dịch vụ tài chính (sau đây gọi chung là lĩnh vực tài chính) tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Tài chính.

#### **Điều 2. Trụ sở làm việc**

Sở Tài chính có tên gọi bằng tiếng Anh là:

HOCHIMINH CITY DEPARTMENT OF FINANCE (viết tắt là HCMC.D.O.F).

Trụ sở làm việc của Sở Tài chính đặt tại số 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 39306572, 39304504;

Fax: 39304663, Email: [stc@tphcm.gov.vn](mailto:stc@tphcm.gov.vn)

Website: [sotaichinh.hochiminhcity.gov.vn](http://sotaichinh.hochiminhcity.gov.vn).

## **Chương II** **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**

### **Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn**

#### **1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố**

a) Dự thảo quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực tài chính;

b) Dự thảo chương trình, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm về lĩnh vực tài chính theo quy hoạch, kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố;

c) Dự thảo chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật;

d) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở;

đ) Dự thảo các văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó của các đơn vị thuộc Sở; Trưởng, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

e) Dự thảo phương án phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách thuộc thành phố; xây dựng định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương; chế độ thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền;

g) Dự toán điều chỉnh ngân sách thành phố; các phương án cân đối ngân sách và các biện pháp cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền;

h) Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và tài sản khác thuộc sở hữu nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố.

#### **2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố**

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở;

b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, giải thể các



đơn vị thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

3. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về tài chính đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

4. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về lĩnh vực tài chính; công tác tham mưu về các vấn đề pháp lý và tham gia tố tụng; tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án phương án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt.

5. Về quản lý ngân sách nhà nước, thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước:

a) Tổng hợp, lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách thành phố, phương án phân bổ ngân sách cấp thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định

Hướng dẫn các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố và cơ quan tài chính cấp dưới xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật.

Thực hiện kiểm tra, thẩm tra dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị cùng cấp và dự toán ngân sách của cấp dưới.

b) Về quản lý tài chính đối với đất đai

Chủ trì báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định bảng giá đất tổ chức thẩm định bảng giá đất, bảng giá đất điều chỉnh; Là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất thành phố, có trách nhiệm tổ chức thẩm định bảng giá đất, giá đất cụ thể trên cơ sở đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo Hội đồng thẩm định giá bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất thành phố;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; mức tỷ lệ phần trăm (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định của pháp luật đất đai;

Chủ trì xác định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quy định mức tỷ lệ phần

trăm (%) để tính thu tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, đất có mặt nước, mức tiền thuê mặt nước; đơn giá thuê mặt nước của từng dự án cụ thể; xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp;

Kiểm tra, thẩm định các khoản kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất đối với dự án, tiểu dự án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, bao gồm cả trường hợp được ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất hoặc tạm ứng vốn từ Kho bạc nhà nước. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố trong việc thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa.

c) Phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc thực hiện công tác quản lý thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn;

d) Kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng ngân sách ở các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách; yêu cầu Kho bạc nhà nước tạm dừng thanh toán khi phát hiện chi vượt dự toán, chi sai chính sách chế độ hoặc không chấp hành chế độ báo cáo của Nhà nước;

đ) Thẩm định quyết toán thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn các quận, huyện, quyết toán thu, chi ngân sách các quận, huyện; thẩm định hoặc duyệt và thông báo quyết toán đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác có sử dụng ngân sách thành phố theo quy định;

Tổng hợp tình hình thu, chi ngân sách nhà nước, lập tổng quyết toán ngân sách hàng năm của thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt, báo cáo Bộ Tài chính.

e) Quản lý vốn đầu tư phát triển

Tham gia với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan để tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về chiến lược thu hút, huy động, sử dụng vốn đầu tư ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước; xây dựng các chính sách, biện pháp điều phối và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trên địa bàn. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về tài chính đối với các chương trình, dự án ODA trên địa bàn.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan xây dựng dự toán và phương án phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển hàng năm; chủ trì phối hợp với cơ quan có liên quan bố trí các nguồn vốn khác có tính chất đầu tư trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân bổ vốn đầu tư, danh mục dự án đầu tư có sử dụng vốn ngân sách; kế hoạch điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư trong trường hợp cần thiết; xây dựng kế hoạch điều chỉnh, điều hòa vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách của thành phố.

Tham gia về chủ trương đầu tư; thẩm tra, thẩm định, tham gia ý kiến theo thẩm quyền đối với các dự án đầu tư do thành phố quản lý.

Tham gia với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan về nội dung tài chính, các chính sách ưu đãi tài chính đối với các dự án, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trên địa bàn.

Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quyết toán vốn đầu tư thuộc ngân sách địa phương của chủ đầu tư, cơ quan tài chính quận, huyện, và phường, xã; tình hình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư của Kho bạc nhà nước thành phố và Kho bạc nhà nước các quận, huyện.

Tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản của thành phố theo quy định.

Tổng hợp, phân tích tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quyết toán vốn đầu tư của thành phố, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tài chính theo quy định.

g) Quản lý quỹ dự trữ tài chính của thành phố theo quy định của pháp luật;

h) Thống nhất quản lý các khoản vay và viện trợ dành cho thành phố theo quy định của pháp luật; quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ nước ngoài trực tiếp cho thành phố thuộc nguồn thu của ngân sách thành phố; giúp Ủy ban nhân dân thành phố triển khai việc phát hành trái phiếu và các hình thức vay nợ khác của thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công;

i) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính của các đơn vị

sự nghiệp công lập và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật;

k) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ công khai tài chính ngân sách của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

l) Tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán về lĩnh vực tài chính ngân sách, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố;

m) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách, tài chính công theo quy định của pháp luật.

#### 6. Về quản lý tài sản nhà nước tại thành phố

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố các văn bản hướng dẫn về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và phân cấp quản lý nhà nước về tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ quản lý tài sản nhà nước; đề xuất các biện pháp về tài chính để đảm bảo quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản nhà nước theo thẩm quyền tại thành phố;

c) Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền việc mua sắm, xác lập quyền sở hữu của nhà nước về tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, thuê, cho thuê, chuyển nhượng, tiêu hủy tài sản nhà nước và các hình thức xử lý khác; giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính và sử dụng tài sản nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết;

d) Tổ chức quản lý tiền bán tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố; tiền bán hoặc thuê, cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thành phố quản lý; các nguồn tài chính phát sinh trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

đ) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức tiếp nhận, quản lý, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền đối với tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị chôn giấu, chìm đắm được tìm thấy; di sản không có người thừa kế; tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước theo bản án, quyết định thi hành án; tài sản của các dự án sử

dụng vốn nhà nước (bao gồm cả vốn ODA) khi dự án kết thúc và các tài sản khác được xác lập quyền sở hữu của nhà nước, tài sản của tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho thành phố;

g) Tổ chức quản lý và khai thác tài sản nhà nước chưa được cấp có thẩm quyền giao cho tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng; quản lý các nguồn tài chính phát sinh trong quá trình quản lý, khai thác, chuyển giao, xử lý tài sản nhà nước;

h) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến với các Bộ, ngành và Bộ Tài chính về việc sắp xếp nhà, đất của các cơ quan Trung ương quản lý trên địa bàn thành phố;

i) Quản lý cơ sở dữ liệu tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố; giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố;

7. Quản lý nhà nước về tài chính đối với các quỹ do thành phố và cơ quan có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Phát triển đất, Quỹ Bảo trì đường bộ, Quỹ Bảo vệ môi trường,...).

a) Phối hợp xây dựng Đề án thành lập và hoạt động của các quỹ, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố quyết định các vấn đề về phương thức điều hành, đối tượng đầu tư và cho vay; lãi suất; cấp vốn điều lệ; giải thể các quỹ theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của các quỹ; kiểm tra, giám sát việc chấp hành chế độ quản lý tài chính, báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ định kỳ theo chế độ quy định và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố ủy thác cho các tổ chức nhận ủy thác (các quỹ đầu tư phát triển, các tổ chức tài chính nhà nước,...) để thực hiện giải ngân, cho vay, hỗ trợ lãi suất theo các mục tiêu đã được Ủy ban nhân dân thành phố xác định.

## 8. Về quản lý tài chính doanh nghiệp

a) Hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ quản lý tài chính doanh nghiệp của các loại hình doanh nghiệp, tài chính hợp tác xã và kinh tế tập thể; chính sách tài chính phục vụ chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp, cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập,

chế độ quản lý, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm việc thực hiện pháp luật về tài chính, kế toán của các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý phần vốn và tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể do địa phương thành lập theo quy định của pháp luật; thực hiện quyền, nghĩa vụ đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố;

d) Kiểm tra việc quản lý sử dụng vốn và tài sản nhà nước, việc phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do thành phố thành lập; thực hiện chức năng giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước do thành phố thành lập và doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật;

đ) Phân tích, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và các doanh nghiệp có vốn nhà nước do thành phố thành lập hoặc góp vốn, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ trưởng Bộ Tài chính;

e) Quản lý việc trích lập và sử dụng quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên và Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

g) Tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tài chính phục vụ chính sách phát triển hợp tác xã, kinh tế tập thể trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật;

h) Là đầu mối tiếp nhận báo cáo tài chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và tổng hợp, phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp FDI theo chế độ quy định phục vụ chính sách phát triển kinh tế-xã hội, thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

## 9. Về quản lý giá và thẩm định giá

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành định hướng quản lý, điều hành, bình ổn giá hàng năm, 5 năm, 10 năm các mặt hàng thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố; dự thảo văn bản hướng dẫn pháp luật về giá và thẩm định giá trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật; quy định trình tự, quy trình thẩm định phương án giá và phân cấp quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết

định giá của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Thẩm định phương án giá theo đề nghị của Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh để Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức hiệp thương giá và thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định biện pháp bình ổn giá trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá; bổ sung mặt hàng thực hiện kê khai giá và tổ chức thực hiện kê khai giá trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật;

g) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong việc phân công và tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước thuộc thành phố quản lý; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định giá đối với tài sản nhà nước theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố;

h) Xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu trên địa bàn thành phố về giá theo quy định của pháp luật;

10. Hướng dẫn, quản lý và kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán độc lập, đầu tư tài chính, các doanh nghiệp kinh doanh xổ số, đặt cược và trò chơi có thưởng trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

11. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực tài chính thuộc phạm vi quản lý của Sở đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch các quận, huyện.

12. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng tài sản, kinh phí được giao theo quy định của pháp luật.

13. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo hướng dẫn của liên Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

14. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái, cho từ chức, kỷ luật, miễn nhiệm, cho thôi việc, nghỉ hưu đối với công chức và lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực tài chính theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

16. Tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng, quản lý và khai thác hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý tài chính, tài sản và chuyên môn nghiệp vụ được giao; chủ trì công bố số liệu tài chính, cung cấp thông tin thống kê tài chính trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

17. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính được giao theo quy định và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

18. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân thành phố, các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

19. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

#### **Điều 4. Lãnh đạo Sở**

1. Sở Tài chính có Giám đốc và không quá 03 (ba) Phó Giám đốc;

2. Giám đốc Sở Tài chính là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở, chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tài chính theo quy định;



3. Phó Giám đốc Sở giúp Giám đốc Sở chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở;

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc Sở và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của Đảng, Nhà nước và tiêu chuẩn chức danh do Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tài chính ban hành;

5. Giám đốc quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng và phó của cấp trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở theo tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trừ các chức danh do Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Giám đốc Sở Nội vụ bổ nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân thành phố.

#### **Điều 5. Cơ cấu tổ chức bộ máy Sở**

##### **1. Cơ cấu tổ chức**

a) Văn phòng;

b) Thanh tra;

c) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Phòng Quản lý ngân sách;

- Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp;

- Phòng Tài chính đầu tư;

- Phòng Quản lý giá;

- Phòng Quản lý công sản;

- Phòng Tin học - Thống kê và Quản lý nợ chính quyền địa phương.

d) Chi cục Tài chính doanh nghiệp.

Chi cục Tài chính doanh nghiệp trực thuộc Sở Tài chính, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng và cơ cấu tổ chức của Chi cục có không quá 03 phòng.

##### **2. Biên chế công chức, số lượng người làm việc**

a) Biên chế công chức của Sở Tài chính được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn

với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt;

b) Lãnh đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở gồm có cấp trưởng và không quá 03 cấp phó. Giám đốc Sở quyết định số lượng cấp phó tùy theo chức năng, nhiệm vụ và biên chế được bố trí của từng đơn vị;

c) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Sở Tài chính xây dựng kế hoạch biên chế công chức trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 6. Đối với Bộ Tài chính**

1. Sở Tài chính chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Tài chính;

2. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến nghiệp vụ quản lý ngành. Trường hợp Bộ chưa nhất trí với chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc những chủ trương quyết định của Bộ không phù hợp tình hình của thành phố, thì Giám đốc Sở kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ Tài chính.

#### **Điều 7. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố**

1. Sở Tài chính có trách nhiệm báo cáo, trình bày hoặc cung cấp tài liệu cần thiết cho Hội đồng nhân dân thành phố; trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân sách, giá cả;

2. Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố, chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân thành phố; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Ủy ban nhân dân thành phố đối với hoạt động hành chính thuộc lĩnh vực tài chính - giá cả. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm báo cáo tình hình và kế hoạch tổ chức hoạt động của Sở cho Ủy ban nhân dân thành phố theo chế độ

quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố về các vấn đề có liên quan đến Sở Tài chính;

3. Giám đốc Sở phải thực hiện đúng chế độ báo cáo, xin ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn được giao. Các kiến nghị của Sở với Bộ Tài chính có liên quan đến các chủ trương, chính sách lớn của Ủy ban nhân dân thành phố thì Giám đốc Sở phải xin ý kiến Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách trước khi kiến nghị.

### **Điều 8. Đối với tổ chức Đảng, đoàn thể và tổ chức xã hội quần chúng**

1. Đối với các Ban của Thành ủy: Sở Tài chính có mối quan hệ công tác với các Ban thuộc Thành ủy để tiếp nhận những định hướng, chỉ đạo của Thành ủy và các Ban của Thành ủy; Sở chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của cơ quan Đảng cấp trên và những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực tài chính;

2. Đối với các tổ chức đoàn thể thành phố: Sở phối hợp với các tổ chức đoàn thể thành phố trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tạo điều kiện cho các đoàn thể và Hội tham gia ý kiến trong việc xây dựng chế độ chính sách có liên quan đến ngành.

### **Điều 9. Đối với các sở, ngành thành phố**

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, Sở Tài chính phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan, để thực hiện tốt các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân thành phố giao;

2. Được quyền yêu cầu các sở, ngành, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động ngành nhằm giúp cho Sở Tài chính theo dõi, quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính theo đúng quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Đối với Ủy ban nhân dân quận, huyện**

1. Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các quận, huyện thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành về tài chính, giá cả trên địa bàn quận - huyện.

2. Chỉ đạo hướng dẫn các Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện về chuyên môn, nghiệp vụ tài chính, ngân sách và giá cả.

3. Giám đốc Sở trực tiếp làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện hoặc ủy quyền cho Phó Giám đốc Sở làm việc và giải quyết những đề nghị của quận,

huyện liên quan công việc thuộc ngành quản lý; nếu còn có ý kiến khác nhau, Giám đốc Sở báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xử lý.

4. Sở Tài chính được quyền yêu cầu các quận, huyện thực hiện các báo cáo định kỳ, cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực chuyên môn để thực hiện chức năng quản lý theo quy định của pháp luật.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 11. Trách nhiệm thi hành**

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy chế này.

2. Căn cứ nội dung Quy chế này, Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình công tác, các mặt hoạt động của Sở; tổ chức sắp xếp các phòng, ban, bố trí cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của ngành, đảm bảo phát huy tốt hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế thì Giám đốc Sở Tài chính phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 9****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 06/2018/QĐ-UBND

*Quận 9, ngày 22 tháng 5 năm 2018***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động  
của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 9****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 03 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt

động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận-huyện;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 325/TTr-NV ngày 10 tháng 5 năm 2018 và ý kiến thẩm định của Trưởng phòng Tư pháp tại Báo cáo số 14/BC-TP ngày 29 tháng 4 năm 2018,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quyết định này kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 9.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 5 năm 2018, thay thế Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 9.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các phòng, ban trực thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Bảy**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 9**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 9**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND  
ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 9)*

#### **Chương I**

#### **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

##### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý Nhà nước về: Việc làm; dạy nghề; lao động, tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp); an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### **Chương II**

#### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

##### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các

nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội được giao; theo dõi thi hành pháp luật.

3. Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội, cơ sở dạy nghề, tổ chức dịch vụ việc làm, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở cai nghiện tự nguyện, cơ sở quản lý sau cai nghiện, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn quận theo phân cấp, ủy quyền.

5. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý các công trình ghi công liệt sĩ.

6. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đối với cán bộ, công chức ở phường.

7. Phối hợp với các ngành, đoàn thể xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với cách mạng và các đối tượng chính sách xã hội.

8. Theo dõi, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

9. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, về bình đẳng giới trong phạm vi địa phương theo phân cấp.

10. Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội trên địa bàn.

11. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

12. Quản lý vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban



nhân dân quận.

13. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân quận.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao hoặc theo quy định của pháp luật.

### **Chương III** **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

#### **Điều 3. Tổ chức bộ máy**

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có Trưởng phòng, không quá 03 Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

a) Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là người đứng đầu Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Phó Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác được Trưởng phòng phân công, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

#### **Điều 4. Biên chế**

a) Biên chế công chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định, được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và thuộc tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của quận đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức.

c) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Chương IV**

### **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 5. Chế độ làm việc**

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành chung các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh trên lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

#### **Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp**

1. Hàng tuần, lãnh đạo phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch

công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

### **Điều 7. Mỗi quan hệ công tác**

#### **1. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:**

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### **2. Đối với Hội đồng nhân dân quận:**

Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân quận khi được yêu cầu.

#### **3. Đối với Ủy ban nhân dân quận:**

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý Nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

#### **4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:**

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác. Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

5. Đối với các đơn vị, tổ chức sản xuất kinh doanh và dịch vụ liên quan đến chức năng quản lý trên địa bàn quận:

Trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết các chế độ, chính sách về lao động, người có công và xã hội theo quy định của Nhà nước;

Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp của Trung ương, thành phố trú đóng và hoạt động trên địa bàn quận. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc quản lý hành chính nhà nước về các lĩnh vực thuộc chức năng đối với các đơn vị này theo quy định.

6. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giúp đỡ về nghiệp vụ ngành để Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách, chế độ, thể lệ về lĩnh vực được giao trong phạm vi địa phương theo quy định của Nhà nước và Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm cùng với Ủy ban nhân dân phường kiện toàn, củng cố bộ phận công tác về lao động, người có công và xã hội tại địa phương. Phối hợp với các tổ chức, chính quyền, đoàn thể nhân dân xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với nước và đối tượng chính sách xã hội. Giúp Ủy ban nhân dân phường phối hợp thực hiện tuyên truyền giáo dục phòng, chống, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội trên địa bàn quận.

7. Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đơn vị sự nghiệp, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội của quận.

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận phối hợp và hỗ trợ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng thực hiện tốt chế độ chính sách lao động, người có công và xã hội, tiếp nhận những phản ánh về tình hình các đối tượng để giải quyết kịp thời; phối hợp với các đoàn thể quần chúng vận động các đối tượng chính sách, phát huy truyền thống của dân tộc và truyền thống cách mạng để thực hiện tốt các cuộc vận động của Đảng và Nhà nước.

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền và có thông báo kết quả giải quyết cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp theo quy định.

**Chương V**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 8.** Căn cứ Quy chế này, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế làm việc, cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với quy định tại Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

**Điều 9.** Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế theo thẩm quyền chung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Bầy**

## ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2018/QĐ-UBND

*Bình Chánh, ngày 22 tháng 5 năm 2018*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh  
và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 953/TTr-NV ngày 17 tháng 5 năm 2018 và ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp tại Báo cáo số 656/BC-TP ngày 15 tháng 5 năm 2018,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018. Quyết định này thay thế Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Phú Lữ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội  
thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND  
ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Huyện quản lý nhà nước về: Việc làm; dạy nghề; lao động, tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp); an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân Huyện và theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân Huyện; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

### **Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

#### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định, Chỉ thị; quy hoạch, Kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các



nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội được giao; theo dõi thi hành pháp luật.

3. Giúp Ủy ban nhân dân Huyện quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội, cơ sở dạy nghề, tổ chức dịch vụ việc làm, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở cai nghiện tự nguyện, cơ sở quản lý sau cai nghiện, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn Huyện theo phân cấp, ủy quyền.

5. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý các công trình ghi công liệt sĩ.

6. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đối với cán bộ, công chức ở xã, thị trấn.

7. Phối hợp với các ngành, đoàn thể xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với cách mạng và các đối tượng chính sách xã hội.

8. Theo dõi, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Huyện.

9. Tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, về bình đẳng giới trong phạm vi địa phương theo phân cấp.

10. Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội trên địa bàn.

11. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân Huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

12. Quản lý vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban

nhân dân Huyện.

13. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân Huyện.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật.

### **Chương III** **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

#### **Điều 3. Tổ chức bộ máy**

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có Trưởng phòng, không quá 03 Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

a) Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là người đứng đầu Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Phó Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác được Trưởng phòng phân công, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định.

#### **Điều 4. Biên chế**

1. Biên chế công chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định, được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và thuộc tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Huyện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Chương IV**

### **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 5. Chế độ làm việc**

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành chung các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh trên lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các công chức, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng công chức, chuyên viên phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

#### **Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp**

1. Hàng tuần, lãnh đạo phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch

công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

### **Điều 7. Mỗi quan hệ công tác**

#### **1. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:**

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### **2. Đối với Hội đồng nhân dân Huyện:**

Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân Huyện khi được yêu cầu.

#### **3. Đối với Ủy ban nhân dân Huyện:**

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân Huyện về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân Huyện về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân Huyện về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

#### **4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân Huyện:**

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân Huyện, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của Huyện. Trong trường hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xem xét, quyết định.

5. Đối với các đơn vị, tổ chức sản xuất kinh doanh và dịch vụ liên quan đến chức năng quản lý trên địa bàn Huyện:

Trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết các chế độ, chính sách về lao động,

người có công và xã hội theo quy định của Nhà nước.

Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp của Trung ương, Thành phố trú đóng và hoạt động trên địa bàn Huyện, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện việc quản lý hành chính Nhà nước về các lĩnh vực thuộc chức năng đối với các đơn vị này theo quy định.

6. Đối với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

a) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giúp đỡ vèng nghiệp vụ ngành để Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chỉ đạo thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách, chế độ, thể lệ về lĩnh vực được giao trong phạm vi địa phương theo quy định của Nhà nước và Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm cùng với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn kiện toàn, củng cố bộ phận công tác về lao động, người có công và xã hội tại địa phương. Phối hợp với các tổ chức, chính quyền, đoàn thể nhân dân xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với nước và đối tượng chính sách xã hội. Giúp Ủy ban nhân dân xã, thị trấn phối hợp thực hiện tuyên truyền giáo dục phòng, chống, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội trên địa bàn Huyện.

7. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội của Huyện:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp và hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng thực hiện tốt chế độ chính sách lao động, người có công và xã hội, tiếp nhận những phản ánh về tình hình các đối tượng để giải quyết kịp thời; phối hợp với các đoàn thể quần chúng vận động các đối tượng chính sách, phát huy truyền thống của dân tộc và truyền thống cách mạng để thực hiện tốt các cuộc vận động của Đảng và Nhà nước.

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huyện, xã, thị trấn, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội của Huyện có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân Huyện giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền và có thông báo kết quả giải quyết cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp theo quy định.

**Chương V**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 8.** Căn cứ Quy chế này, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế làm việc, cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định để thi hành.

**Điều 9.** Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân Huyện có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Trần Phú Lữ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI****ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2018/QĐ-UBND

Củ Chi, ngày 16 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh  
và Xã hội huyện Củ Chi****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 5 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện tại Tờ*

*trình số 30/TTr-LĐTĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 và ý kiến thẩm định của Trưởng phòng Tư pháp huyện tại Báo cáo số 898/BC-TP ngày 7 tháng 5 năm 2018,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 và thay thế Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Củ Chi.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Hoài Phú**



**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Cử Chi**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2018  
của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)*

## **Chương I**

### **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

#### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước về: Việc làm; dạy nghề; lao động, tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp); an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân huyện; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

#### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế

hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội được giao; theo dõi thi hành pháp luật.

3. Giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi Chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội, cơ sở dạy nghề, tổ chức dịch vụ việc làm, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở cai nghiện tự nguyện, cơ sở quản lý sau cai nghiện, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn huyện theo phân cấp, ủy quyền.

5. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý các công trình ghi công liệt sĩ.

6. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đối với cán bộ, công chức ở xã, thị trấn.

7. Phối hợp với các ngành, đoàn thể xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với cách mạng và các đối tượng chính sách xã hội.

8. Theo dõi, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

9. Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, về bình đẳng giới trong phạm vi địa phương theo phân cấp.

10. Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội trên địa bàn.

11. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

12. Quản lý vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức và người lao động thuộc

phạm vi quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

13. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

### **Điều 3. Tổ chức bộ máy**

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có Trưởng phòng, không quá 03 Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

1. Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là người đứng đầu Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

2. Phó Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác được Trưởng phòng phân công, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

3. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

### **Điều 4. Biên chế**

1. Biên chế công chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định, được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và thuộc tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của huyện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Chương IV**

### **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 5. Chế độ làm việc**

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành chung các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh trên lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

#### **Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp**

1. Hàng tuần, lãnh đạo phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch

công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

### **Điều 7. Mối quan hệ công tác**

#### **1. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:**

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### **2. Đối với Hội đồng nhân dân huyện:**

Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân huyện khi được yêu cầu.

#### **3. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:**

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân huyện về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân huyện về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

#### **4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân huyện:**

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân huyện, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của huyện. Trong trường hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

5. Đối với các đơn vị, tổ chức sản xuất kinh doanh và dịch vụ liên quan đến chức năng quản lý trên địa bàn huyện, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết các chế độ, chính sách về lao động, người có

công và xã hội theo quy định của Nhà nước;

6. Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp của Trung ương, Thành phố trú đóng và hoạt động trên địa bàn huyện, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện việc quản lý hành chính Nhà nước về các lĩnh vực thuộc chức năng đối với các đơn vị này theo quy định.

7. Đối với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

a) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giúp đỡ về nghiệp vụ ngành để Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chỉ đạo thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách, chế độ, thể lệ về lĩnh vực được giao trong phạm vi địa phương theo quy định của Nhà nước và Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm cùng với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn kiện toàn, củng cố bộ phận công tác về lao động, người có công và xã hội tại địa phương. Phối hợp với các tổ chức, chính quyền, đoàn thể nhân dân xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với nước và đối tượng chính sách xã hội. Giúp Ủy ban nhân dân xã, thị trấn phối hợp thực hiện tuyên truyền giáo dục phòng, chống, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện.

8. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội của huyện.

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện phối hợp và hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng thực hiện tốt chế độ chính sách lao động, người có công và xã hội, tiếp nhận những phản ánh về tình hình các đối tượng để giải quyết kịp thời; phối hợp với các đoàn thể quần chúng vận động các đối tượng chính sách, phát huy truyền thống của dân tộc và truyền thống cách mạng để thực hiện tốt các cuộc vận động của Đảng và Nhà nước.

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, xã, thị trấn, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội của huyện có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền và có thông báo kết quả giải quyết cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp theo quy định.

**Chương V**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 8.** Căn cứ Quy chế này, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế làm việc, cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định để thi hành.

**Điều 9.** Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Hoài Phú**

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2129/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2018***QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3253/STNMT-CCBVMT ngày 06 tháng 4 năm 2018,



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”.

**Điều 2.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018. Việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018 được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các đơn vị cung cấp nước sạch và các đối tượng có liên quan trên địa bàn thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Vĩnh Tuyến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Đảm bảo yêu cầu thu đúng, thu đủ các đối tượng xả thải trên địa bàn thành phố theo quy định, khuyến khích sử dụng nước tiết kiệm, tái sử dụng nước đã qua xử lý, hạn chế xả thải và hạn chế việc gây ô nhiễm môi trường, tạo sự công bằng, bình đẳng trong thực hiện nghĩa vụ nộp phí của các cơ sở xả thải.

#### **2. Yêu cầu**

Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện, kịp thời đôn đốc, hướng dẫn quá trình tổ chức thực hiện bảo đảm tiến độ theo kế hoạch.

### **II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

## **1. Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật về kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường**

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan tập huấn các quy định về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp cho các đối tượng nộp phí.

Giao Ủy ban nhân dân quận - huyện phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, vận động thường xuyên, sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật về kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường theo đúng quy định với nhiều hình thức đa dạng, phong phú phù hợp cho từng đối tượng.

## **2. Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp**

### **2.1 Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nội dung**

Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các đối tượng nộp phí theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các quy định khác tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Xác định lưu lượng xả thải, nồng độ các chất ô nhiễm phải tính phí bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất; thực hiện rà soát, điều chỉnh phân loại, cập nhật đối tượng nộp phí cố định và phí biến đổi.

Nghiên cứu tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp các đối tượng nộp phí.

### **2.2 Giao Kho bạc nhà nước thành phố**

Hướng dẫn các đơn vị có nhiệm vụ thu phí về thủ tục mở tài khoản tạm giữ và thủ tục thu, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

Hướng dẫn cho các Kho bạc nhà nước quận - huyện, các ngân hàng triển khai việc thực hiện thu và thu hộ phí bảo vệ môi trường của các đối tượng nộp phí.

### **2.3 Giao Cục Thuế thành phố**

Kiểm tra, đôn đốc, quyết toán việc thu, nộp, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của đơn vị thu phí.

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xử lý các trường hợp vi phạm về kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

#### **2.4 Giao Ủy ban nhân dân quận - huyện phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thực hiện các nội dung**

Rà soát, điều chỉnh phân loại, cập nhật đối tượng nộp phí cố định và phí biến đổi, đảm bảo yêu cầu thu đúng, thu đủ các đối tượng xả thải trên địa bàn thành phố.

Thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các đối tượng nộp phí khi được phân cấp.

Tổng hợp, cập nhật và thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường các cơ sở mới phát sinh thuộc đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn quản lý trước ngày 30 tháng 01 hàng năm

#### **2.5 Đơn vị cung cấp nước sạch có trách nhiệm**

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thu phí; thực hiện ngưng thu và hoàn trả theo quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên hóa đơn tiền nước của các đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

### **3. Quản lý và sử dụng nguồn thu**

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nội dung:

- Hướng dẫn chi tiết việc quản lý và sử dụng nguồn thu phí theo Điểm c, Khoản 3, Điều 1 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Tính toán và đề xuất tỷ lệ để lại cho cơ quan thu phí phù hợp với tình hình thực tế của thành phố, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh tỷ lệ phần trăm để lại cho cơ quan thu phí vào kỳ họp thường lệ cuối năm 2018.

#### **4. Đánh giá hiệu quả công tác thu phí, nghiên cứu bổ sung cơ sở khoa học về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp**

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường

và các đơn vị liên quan thực hiện:

- Nghiên cứu, xây dựng định mức hàm lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải chưa qua xử lý của từng loại hình sản xuất.

- Nghiên cứu, xây dựng đề án điều chỉnh mức phí biến đổi (C) cho từng chất gây ô nhiễm phù hợp điều kiện thực tế của thành phố; đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua.

- Khảo sát, đánh giá tác động kinh tế, khả năng đóng góp của người nộp phí; hiệu quả thu phí theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các sở, ngành, các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức quán triệt, xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn và nhiệm vụ chính trị của từng địa phương để triển khai Kế hoạch này, đảm bảo thu đúng, thu đủ, công khai, minh bạch và kịp thời.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc cần thiết bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch này, các sở ngành, địa phương chủ động phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Vĩnh Tuyền**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2180/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2018*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2600/TTr-STC-BVG ngày 02 tháng 5 năm 2018,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu thi hành kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc nhà nước thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2018  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực quản lý công sản</b>					
1	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội.	- Bước 2: không quá 20 ngày. - Bước 4: không quá 10 ngày.	Sở Tài chính (địa chỉ: số 142 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3)	Không	Nghị định 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng